

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

ORGANIC S1 P

Giày an toàn thấp , **thanh** l nét nữ **tính**

Giày an toàn thấp ORGANIC m trong môi khô r ăng bảo v ệ S1P, chư ố ợ SR, mũi giày và thép cũng như đặc tính ch ố n g tĩnh điệ n . Phần trên bằn i da thoáng khí mang l ạ

Những vật liệu cao cấp may , D	Da l
lót bên trong i tái chế lướ	
trong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 P / SR, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t thép	0.490 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024

CO2 8.68 kg



DGR



S1P
trong khô ráo, không có nguy cơ bị nước ngấm vào, và bạn cần bảo vệ ngón chân, chống đâm thủng và thông gió bạn cần giày bảo hộ S1P.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ bằng bảo vệ ngón chân ắn hoặc ửa bằng thép



thép
đâm thủng được làm bằng thép không gỉ phủ và ngăn các xâm nhập từ đế ngoài.



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn a điện tích tĩnh hiệu rồi ện trở giữa 100 kOhm và 1 GigaOhm



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên ứng dụng các ứng dụng linh hoạt



SRC
Được là một trong những tính năng giày an toàn và giày bảo hộ SRC qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự ạch ô tô, Xây dựcần g, hậ

ường: **Môi** t
ru ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật liệu, **máy** , **Da** l **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm nước ơ	? 0.8	6.9		iờ	mg/cm/g
	Top: hi ệu suất ơ	? 15	61.1			mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó					
	L ớp lót: thấm nước ơ	? 2	60.5		iờ	mg/cm/g
	lót: hi ệu suất ơ	? 20	484.1			mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800			chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**					
	Ch ỉ số trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	29.1			mm
	a đế ngoài SRA: gót chân	? 0.28	0.40			ma sát
	a đế ngoài SRA: Phầ t g	? 0.32	0.39			ma sát
	a đế ngoài SRB: gót chân	? 0.13	0.15			ma sát
	ộc đế ngoài SRB: phần g	? 0.18	0.20			ma sát
	ỉ số Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	189.9			megaohm
	ỉ ESD Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	27			J
Đ ứ n g đầ **Thép**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	14.0			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	14.5			mm

kích thước thép: 38

a chúng tôi, khiếu có ế thuyết và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		6.41		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.68 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		9%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.